TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/HS-ST
Ngày: 27/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bé Em
2. Bà Trần Thị Ngọc Diễm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2024/TLST-HS ngày 08/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2024/QĐXXST-HS ngày 08/11/2024, đối với bị cáo:

Lê Minh T, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số D, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; trình độ văn hóa: 01/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T1, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị Kim T2, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 21/3/2005 bị Ủy ban nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) Quyết định đưa vào T3 Giáo dưỡng 02 năm về hành vi "Trộm cắp tài sản" và "Đánh bạc" (Quyết định Số 3905/QĐ-UB);

- Ngày 22/5/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù, về tội "Cố ý gây thương tích" (Bản án hình sự Phúc thẩm Số 97/2008/HSPT, chấp hành xong bản án ngày 06/02/2009);

- Ngày 06/11/2013 bị Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi "Đánh nhau, xâm hại sức khỏe người khác, gây mất trật tự, sử dụng trái phép chất ma túy" (Quyết định Số 2042/QĐ-UBND);

- Ngày 21/10/2024 bị Công an thành phố B xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" vào ngày 24/7/2024 (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Số 194/QĐ-XPHC, chưa đóng phạt).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/7/2024 đến ngày 27/7/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Lê Văn T4, sinh năm 1966; nơi cư trú: 408, ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 05 giờ 30 phút ngày 24/7/2024, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B, phối hợp với Công an xã P tiến hành kiểm tra hành chính nhà Số A, ấp P, xã P, thành phố B là nhà của ông bà ngoại của Lê Minh T do em ruột của T tên Phạm Thị Bích P quản lý. Tiến hành kiểm tra, Cơ quan điều tra phát hiện Lê Minh T và Lê Văn T4 có dấu hiệu tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Minh T. Tiến hành thử Test ma túy đối với T và T4 kết quả T và T4 đều dương tính với ma túy.

Vật chứng thu giữ: 01 (Một) bình nhựa cao 22 cm, đường kính đáy 04 cm, nắp màu vàng trên nắp có gắn ống hút màu trắng và nỏ thủy tinh, bên trong nỏ thủy tinh có chất rắn nghi là ma túy (niêm phong nỏ thủy tinh trong phong bì ký hiệu T1); 01 (Một) túi nylon màu trắng, kích thước 2,5x03cm, được hàn kín 04 phía, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2); 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei: 3564181115271351/01, đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định Số 600/KL-KTHS ngày 26/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Chất rắn đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1 gửi giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng: 0,0755 gam. Chất rắn đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2 gửi giám định là chất ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng: 0,5566 gam. H lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Bến Tre mẫu vật ký hiệu T2 sau giám định đã được niêm phong lại khối lượng: 0,4926 gam.

Quá trình điều tra lời khai Lê Minh T phù hợp lời khai Lê Văn T4: khoảng 23 giờ 00 phút ngày 23/7/2024, Lê Minh T từ nhà T ra đầu hẻm thuê xe ôm đi đến khu vực gần Bệnh viện Đa khoa Nguyễn Đình Chiểu tỉnh B gặp một nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ đầy đủ) mua 200.000 đồng ma túy "đá" (tiếng lóng của người sử dụng ma túy chỉ loại ma túy Methamphetamine) để sử dụng. Sau khi mua được ma túy, T về nhà số A, ấp P, xã P, thành phố B (sau đây gọi tắt là nhà số A) và điện thoại rủ Lê Văn T4 đến nhà số A để cùng sử dụng ma túy. Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 24/7/2024, T4 đến nhà số A, khoảng 00 giờ 35 phút T lấy ma túy đã mua bỏ vào nỏ thủy tinh gắn trên bình nhựa, T sử dụng xong thì đưa cho T4 cùng sử dụng tại phòng ngủ của nhà số A, số ma túy còn lại T cho vào túi nylon, hàn kín lại để vào túi có rãnh khép như cũ và để vào túi đựng tăm bông cất ở giá

treo quần áo trên tường trong phòng ngủ mà T và T4 đang ở. Sau khi sử dụng xong, T và T4 ngủ lại phòng ngủ của nhà số A, đến 05 giờ 30 phút ngày 24/7/2024 thì bị Cơ quan điều tra phát hiện lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T cùng vật chứng.

Đối với mẫu vật ma tuý còn lại sau giám định và vỏ bao gói được niêm phong trong phong bì Số 600/2024, 01 bình nhựa có gắn nỏ và ống hút bằng nhựa màu trắng là ma túy và công cụ sử dụng ma túy, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu đen, số I: 3564181115271351/01, đã qua sử dụng là điện thoại công cụ Lê Minh T dùng để gọi điện rủ Lê Văn T4 đến sử dụng ma túy cần tiếp tục tạm giữ đề xử lý theo quy định.

Tại cáo trạng số 88/CT-VKSTPBT ngày 07/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội để buộc bị cáo chấp hành chung.

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định; 01 bình nhựa có gắn nỏ và ống hút bằng nhựa màu trắng.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu đen, số I: 3564181115271351/01.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định:

Lúc 05 giờ 30 phút ngày 24/7/2024, Lê Minh T đã có hành vi cất giấu 0,5566 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng tại phòng ngủ của nhà số A, ấp P, xã P, thành phố B thì bị Cơ quan điều tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và thu giữ tang vật. Ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy ra, khoảng 00 giờ 35 phút ngày 24/7/2024, Lê Minh T có hành vi cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy là nỏ thủy tinh (sử dụng còn thừa lại 0,0755 gam ma túy, loại Methamphetamine trong nỏ thủy tinh) và địa điểm là nhà số A, ấp P, xã P, thành phố B để cho Lê Văn T4 sử dụng trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý mua và cất giấu 0,5566 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Ngoài ra bị cáo còn cung cấp ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy (sử dụng còn thừa lại 0,0755 gam ma túy, loại Methamphetamine trong nỏ thủy tinh) và địa điểm là nhà số A, ấp P, xã P, thành phố B để cho Lê Văn T4 sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, đã từng bị kết án và bị xử lý vi phạm hành chính. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng là "Người phạm tội thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Bị cáo bị xét xử 02 tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của 02 tội để buộc bị cáo chấp hành chung.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định; 01 bình nhựa có gắn nỏ và ống hút bằng nhựa màu trắng.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu đen, số I: 3564181115271351/01 bị cáo dùng để liên hệ rũ T4 sử dụng ma túy.

[8] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác minh, làm rõ đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo để xử lý theo quy định pháp luật. Việc bị cáo và T4 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã bị Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

1.1 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Minh T 01 (một) năm 3 (ba) tháng tù.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Minh T 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của 02 tội để buộc bị cáo chấp hành chung là 03 (ba) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2024.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định vaà ỏ bao gói được niêm phong trong phong bì số 600/2024 có chữ ký ghi tên Phạm Hải N, Phan Trung T5, Lê Minh T, Lê Văn T4 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B; 01 bình nhựa có gắn nỏ và ống hút bằng nhựa màu trắng.

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung, màu đen, số Imei: 3564181115271351/01 đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/11/2024).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Minh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Phú Hưng, TPBT (1b);
- Bị cáo, NCQLNVLQ (2b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình